

Bản án số: 164/2018/DS-PT

Ngày: 28-11-2018

V/v tranh chấp Đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Ông Nguyễn Văn Ngọt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sạch-Kiểm sát viên.

Trong ngày 28-11-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2018/TLPT-DS ngày 26-9-2018, về việc “Tranh chấp Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 20-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169/2018/QĐ-PT ngày 03-10-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu S; Sinh năm: 1967; Địa chỉ cư trú: Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lưu K; Sinh năm: 1958; Địa chỉ cư trú: Khóm C, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Lưu S là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện do ông Lưu S lập ngày 26-4-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau: Vào ngày 06-6-2012, ông Lưu S cùng ông Lưu K và bà Tô Ngọc H (vợ ông Lưu C là anh ruột của ông K và ông S, hiện ông C đã chết) ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 12.3.020/HĐTC thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lưu S đại diện đứng tên để vay tiền của Ngân hàng N số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 11,5%/năm. Trong số tiền vay 70.000.000 đồng này, ông Lưu K nhận số tiền 45.000.000 đồng. Đến ngày 10-3-2015, ông S đã trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vốn là 70.000.000 đồng và tiền lãi. Tính đến ngày 10-3-2015, ông K còn nợ Ngân hàng 08 tháng tiền lãi nên ông S đã trả thay cho ông K. Như vậy, tổng

cộng ông S đã trả thay cho ông K số tiền vốn vay là 45.000.000 đồng và 08 tháng tiền lãi. Từ ngày 11-3-2015 cho đến nay, ông K không trả lại tiền cho ông S. Nay ông Lưu S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lưu K trả cho ông Lưu S số tiền mà ông S đã thay ông K trả cho Ngân hàng N là 45.000.000 đồng cùng 08 tháng tiền lãi đến ngày là 3.449.880 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11-3-2015 đến ngày ông K trả xong tiền vốn với mức lãi suất là 11,5%/năm.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lưu K trình bày như sau: Ông Lưu S với ông Lưu K và bà Tô Ngọc H (vợ ông Lưu C đã chết) là đồng thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất do ông Lưu S đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào ngày 06-6-2012, ông Lưu S cùng ông Lưu K và bà Tô Ngọc H ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 12.3.020/HĐTC thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lưu S đại diện đứng tên để vay tiền của Ngân hàng N số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 11,5%/năm. Mục đích ông S vay tiền là để cưới dâu và làm vốn mua bán. Sau khi ngân hàng giải ngân, ông S là người trực tiếp nhận tiền và quản lý số tiền này. Sau khi nhận tiền xong ông S không có giao cho ông K số tiền 45.000.000 đồng như ông S trình bày. Tuy nhiên ông K thừa nhận, tại các biên bản hòa giải do Tòa án nhân dân thành phố S lập ngày 07-6-2016, ngày 15-8-2016 và ngày 08-11-2016 giải quyết vụ án dân sự thụ lý 33/2015/TLST-DS ngày 19-3-2015 về việc “Tranh chấp Chia tài sản chung”, ông K có trình bày “*Ông K thừa nhận có nợ ông S số tiền vốn và lãi mà ông S đã thay mặt ông K trả cho Ngân hàng, trong đó vốn là 45.000.000 đồng, 08 tháng tiền lãi theo mức lãi suất 11,5%/năm là 3.600.000 đồng.*” và ông K cũng xác nhận chữ ký tên Lưu K trong các biên bản hòa giải trên đúng là chữ ký và chữ viết tên của ông K. Tuy nhiên, theo ông K các biên bản trên đều là hòa giải không thành và ông K đề nghị Tòa án căn cứ vào bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 27-02-2017 của Tòa án nhân dân thành phố S để làm cơ sở giải quyết vụ án. Nay ông K không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S.

* Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 20-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lưu K có nghĩa vụ trả cho ông Lưu S số tiền 48.449.880 đồng (Trong đó, tiền vốn là 45.000.000 đồng và tiền lãi là 3.449.880 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lưu S về việc yêu cầu ông Lưu K thanh toán số tiền lãi là 17.810.005 đồng.

Kể từ ngày ông Lưu S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lưu K còn phải trả lãi cho ông S theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền vốn chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu K phải chịu số tiền 2.422.494 đồng. Ông Lưu S được miễn nộp tiền án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 04-9-2018, nguyên đơn Lưu S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 20-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố S theo hướng buộc ông Lưu K phải trả tiếp cho ông Lưu S số tiền lãi trên số tiền vay 45.000.000 đồng kể từ ngày 11-3-2015 cho đến khi ông Lưu K trả xong tiền vốn theo mức lãi suất là 11,5%/năm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu theo đơn kháng cáo và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của nguyên đơn Lưu S không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo lập ngày 31-8-2018 của nguyên đơn Lưu S gửi đến Tòa án nhân dân thành phố S qua đường dịch vụ bưu chính vào ngày 04-9-2018 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo Đơn kháng cáo lập ngày 31-8-2018, nguyên đơn Lưu S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc bị đơn Lưu K trả khoản tiền lãi tính trên số tiền vốn là 45.000.000 đồng tính từ ngày 11-3-2015 đến ngày trả xong tiền vốn theo mức lãi suất là 11,5%/năm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại phần nội dung này của Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 20-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, còn các phần khác của bản án không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lưu S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc bị đơn Lưu K trả khoản tiền lãi tính trên số tiền vốn là 45.000.000 đồng tính từ ngày 11-3-2015 đến ngày trả xong tiền vốn theo mức lãi suất là 11,5%/năm: Trong vụ này, ông Lưu S, ông Lưu K và bà Tô Ngọc H cùng nhau ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với phần đất được thừa kế chung để vay Ngân hàng N vay số tiền là 70.000.000 đồng, lãi suất 11,5%/năm, trong đó ông K nhận số tiền vay là 45.000.000 đồng. Đến ngày 10-3-2015, ông Lưu S đã thanh toán cho phía Ngân hàng toàn bộ khoản vay theo hợp đồng tín dụng nói trên. Tuy nhiên, việc ông S trả tiền thay cho ông K là do ông S tự nguyện, các

bên không có thỏa thuận thời hạn ông K phải trả lại tiền cho ông S và cũng không có thỏa thuận trả lãi nên việc Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S và không chấp nhận phần yêu cầu buộc ông K trả khoản tiền lãi tính trên số tiền vốn là 45.000.000 đồng từ ngày 11-3-2015 đến ngày trả xong tiền vốn theo mức lãi suất là 11,5%/năm là có căn cứ và phù hợp với quy định của Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lưu S và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Xét nguyên đơn Lưu S là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí. Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn Lưu S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lưu S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 20-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lưu K có nghĩa vụ trả cho ông Lưu S số tiền 48.449.880 đồng (Bốn mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn, tám trăm tám mươi đồng). Trong đó, tiền vốn là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 3.449.880 đồng (Ba triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn, tám trăm tám mươi đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lưu S về việc yêu cầu ông Lưu K thanh toán số tiền lãi tính trên số tiền vốn là 45.000.000 đồng từ ngày 11-3-2015 đến ngày trả xong tiền vốn theo mức lãi suất là 11,5%/năm.

Kể từ ngày ông Lưu S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lưu K còn phải trả lãi cho ông S theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền vốn chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu K phải chịu số tiền 2.422.494 đồng (Hai triệu, bốn trăm hai mươi hai ngàn, bốn trăm chín mươi bốn đồng). Ông Lưu S được miễn nộp tiền án phí.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Lưu S được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Lưu HSVA, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

